

Số: 725/QĐ-LDA

Lâm Đồng, ngày 26 tháng 03 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Bản yêu cầu báo giá thực hiện Gói cung cấp : Sửa chữa, bảo dưỡng hệ thống điện tại các phòng phân phối điện 6kV (trạm 4800KVA, Bơm CN, Bơm cai bằng) và các MBA khu vực nhà máy tuyển

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY TNHH MTV NHÔM LÂM ĐỒNG - TKV

Căn cứ Công văn số 696/TKV-CV ngày 24/02/2022 của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam về việc hướng dẫn trình tự, hồ sơ chào hàng cạnh tranh sửa chữa tài sản cố định là thiết bị;

Căn cứ Quy định lựa chọn Nhà cung cấp hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ đảm bảo tính liên tục cho hoạt động sản xuất, kinh doanh và mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên sử dụng nguồn vốn sản xuất, kinh doanh của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam của Tổng giám đốc Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 02/QĐ-TKV ngày 02/01/2024;

Căn cứ Quy định về lựa chọn Nhà cung cấp hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ phục vụ và duy trì hoạt động sản xuất thường xuyên, liên tục trong Công ty TNHH MTV nhôm Lâm Đồng - TKV ban hành kèm theo Quyết định số 179/QĐ-LDA ngày 19/01/2024;

Căn cứ vào Quyết định số 2535/QĐ-LDA ngày 30/12/2023 về việc ban hành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 của Chủ tịch Công ty TNHH MTV nhôm Lâm Đồng – TKV;

Căn cứ Phương án số 137/PA-LDA ngày 12/01/2024 V/v Sửa chữa, bảo dưỡng hệ thống điện tại các phòng phân phối điện 6kV (trạm 4800KVA, Bơm CN, Bơm cai bằng) và các MBA khu vực nhà máy tuyển;

Căn cứ Quyết định số 449/QĐ-LDA ngày 27/02/2024 của Giám đốc Công ty TNHH MTV nhôm Lâm Đồng – TKV về việc kiện toàn Tổ tư vấn lựa chọn nhà cung cấp hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ phục vụ và duy trì hoạt động sản xuất thường xuyên, liên tục trong Công ty TNHH MTV nhôm Lâm Đồng - TKV;

Căn cứ Quyết định số 444/QĐ-LDA ngày 26/02/2024 của Giám đốc Công ty TNHH MTV nhôm Lâm Đồng – TKV về việc phê duyệt dự toán Phương án: Sửa chữa, bảo dưỡng hệ thống điện tại các phòng phân phối điện 6kV (trạm 4800KVA, Bơm CN, Bơm cai bằng) và các MBA khu vực nhà máy tuyển;

Căn cứ Quyết định số 622/QĐ-LDA ngày 15/03/2024 về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp thực hiện gói cung cấp: Sửa chữa, bảo dưỡng hệ thống điện tại các phòng phân phối điện 6kV (trạm 4800KVA, Bơm CN, Bơm cai bắng) và các MBA khu vực nhà máy tuyến.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Bản yêu cầu báo giá (BYCBG) Gói cung cấp: Sửa chữa, bảo dưỡng hệ thống điện tại các phòng phân phối điện 6kV (trạm 4800KVA, Bơm CN, Bơm cai bắng) và các MBA khu vực nhà máy tuyến với các nội dung sau:

1. Nội dung BYCBG Gói cung cấp: Sửa chữa, bảo dưỡng hệ thống điện tại các phòng phân phối điện 6kV (trạm 4800KVA, Bơm CN, Bơm cai bắng) và các MBA khu vực nhà máy tuyến như chi tiết kèm theo Quyết định này.

2. Thời gian và trình tự các bước thực hiện:

2.1. Thời gian bắt đầu phát hành BYCBG: Không quá 05 ngày kể từ ngày ký Quyết định này;

2.2. Thời gian hết hạn nộp HSDX: Không ít hơn 03 ngày làm việc kể từ ngày đầu tiên phát hành BYCBG;

2.3. Thời gian và địa điểm mở, xét HSDX:

- Thời gian mở HSDX: Ngay sau thời điểm hết hạn nộp HSDX;

- Địa điểm mở và xét HSDX: Tại trụ sở Công ty TNHH MTV nhôm Lâm Đồng - TKV.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Tổ tư vấn LCNCC, Tổ thẩm định hồ sơ LCNCC thuộc Công ty TNHH MTV nhôm Lâm Đồng - TKV căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, KHTT.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Phòng

Mẫu số PL02-1
BẢN YÊU CẦU BÁO GIÁ
SỬA CHỮA THIẾT BỊ TRONG NỘI BỘ TKV

Tên thiết bị sửa chữa: Hệ thống điện tại các phòng phân phối điện 6kV (trạm 4800KVA, Bơm CN, Bơm cai bảng) và các MBA khu vực nhà máy tuyến.

Đơn vị: Công ty TNHH MTV nhôm Lâm Đồng – TKV (LDA).

Ban hành kèm theo Quyết định số: 725/QĐ-LDA ngày 26/03/2024 của Giám đốc Công ty TNHH MTV nhôm Lâm Đồng - TKV.

Đại diện bên mời nhà cung cấp
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NHÔM
LÂM ĐỒNG – TKV
GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Phòng

Chương I. YÊU CẦU NỘP BÁO GIÁ

Mục 1. Khái quát

1. Tên Bên mời cung cấp dịch vụ là: Công ty TNHH MTV nhôm Lâm Đồng – TKV (LDA).

2. Bên mời cung cấp dịch vụ mời các Nhà cung cấp dịch vụ tham gia chào hàng cạnh tranh (nộp báo giá) nội dung sửa chữa: Sửa chữa, bảo dưỡng hệ thống điện tại các phòng phân phối điện 6kV (trạm 4800KVA, Bơm CN, Bơm cai bằng) và các MBA khu vực nhà máy tuyển.

Mục 2. Đơn chào hàng, giá chào và biểu giá

1. Nhà cung cấp dịch vụ phải nộp Đơn chào hàng cạnh tranh (theo mẫu số 01); Bảng tổng hợp giá chào (theo mẫu số 02-1) Chương III, các ô để trống phải điền đầy đủ thông tin theo yêu cầu.

Trường hợp tại cột “đơn giá ” và cột “thành tiền” của một mục mà Nhà cung cấp không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là Nhà cung cấp đã phân bổ giá của mục này vào các mục khác, Nhà cung cấp phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu nêu trong bản yêu cầu báo giá với đúng giá đã chào.

2. Giá chào là giá do Nhà cung cấp dịch vụ ghi trong đơn chào hàng, bao gồm toàn bộ các chi phí (chưa tính giảm giá) để thực hiện Nội dung sửa chữa trên cơ sở yêu cầu của bản yêu cầu báo giá, kể cả thuế, phí, lệ phí và chi phí liên quan khác. Trường hợp Nhà cung cấp tuyên bố giá chào không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì báo giá của Nhà cung cấp sẽ bị loại.

3. Đề xuất giảm giá (nếu có) được đề xuất trong thư giảm giá hoặc có thể ghi trực tiếp vào đơn chào hàng và bảo đảm Bên mời chào giá nhận được trước thời điểm hết hạn nộp báo giá. Trong đề xuất giảm giá, Nhà cung cấp cần nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể nêu trong phạm vi công việc. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục.

Mục 3. Thành phần báo giá

Báo giá do Nhà cung cấp chuẩn bị phải bao gồm các nội dung sau:

1. Đơn chào hàng cạnh tranh (mẫu số 01; theo biểu mẫu quy định tại chương III). Nhà cung cấp chỉ được nộp 01 đơn chào giá theo quy định. Đơn chào giá được đại diện hợp pháp của nhà cung cấp ký tên, đóng dấu; thời gian ký đơn chào giá phải sau thời điểm phát hành BYCBG; không đề xuất các giá chào khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho bên mời cung cấp.

2. Bảng tổng hợp giá chào (mẫu số 02-1; theo biểu mẫu quy định tại chương III). Nhà cung cấp chỉ được nộp 01 bảng tổng hợp giá chào theo quy định, trường hợp có từ

02 bảng tổng hợp chào giá trở lên thì xem như hồ sơ được đánh giá không hợp lệ về tính hợp lệ;

3. Chi phí vật tư vật liệu (mẫu số 02-2; theo biểu mẫu quy định tại chương III);

4. Chi phí nhân công trực tiếp (mẫu số 02-3; theo biểu mẫu quy định tại chương III);

Mục 4. Thời hạn hiệu lực của báo giá

Thời gian có hiệu lực của HSDX là 30 ngày, kể từ ngày hết hạn nộp HSDX.

Mục 5. Nộp, tiếp nhận, đánh giá báo giá

1. Nhà cung cấp tham gia chào giá phải nộp báo giá trực tiếp hoặc qua đường bưu điện, thư điện tử như sau:

- Công ty TNHH MTV nhôm Lâm Đồng - TKV (thông qua phòng Kế hoạch tiêu thụ).

- Địa chỉ: Đường Phan Đình Phùng, tổ 15, thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng, , Gmail: hoaha.alumina@gmail.com. Điện thoại: 0374652374.

(Để đảm bảo tính cạnh tranh, khách quan giữa các nhà cung cấp tham gia chào giá, Bên mời nhà cung cấp đề nghị nhà cung cấp trường hợp nộp HSDX file điện tử có cài đặt password (tự động mở ngay khi hết thời gian nộp HSDX))

2. Bên mời chào giá chịu trách nhiệm bảo mật các thông tin trong báo giá của từng Nhà cung cấp tham gia chào giá.

3. Bên mời chào giá so sánh các báo giá theo bản yêu cầu báo giá. Trong quá trình đánh giá các báo giá, Bên mời chào giá có thể mời các Nhà cung cấp đến làm rõ các nội dung có liên quan. Tuy nhiên, các nội dung làm rõ sẽ không ảnh hưởng đến giá chào chung của Nhà cung cấp.

Mục 6. Điều kiện xét duyệt nhà cung cấp được lựa chọn

Nhà cung cấp được xem xét, đề nghị lựa chọn khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có báo giá đáp ứng tất cả các yêu cầu trong bản yêu cầu báo giá;

2. Có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá thấp nhất và không vượt dự toán Nội dung sửa chữa được duyệt.

Mục 7. Công khai kết quả lựa chọn Nhà cung cấp

Kết quả lựa chọn Nhà cung cấp sẽ được gửi đến tất cả Nhà cung cấp tham dự chào hàng theo đường bưu điện, fax, email.

Mục 8. Giải quyết kiến nghị

Nhà cung cấp có quyền kiến nghị (bằng văn bản) về kết quả lựa chọn Nhà cung cấp và những vấn đề liên quan trong quá trình tham gia chào hàng cạnh tranh khi thấy quyền, lợi ích của mình bị ảnh hưởng. Trong thời hạn 5 ngày kể từ khi nhận được văn bản kiến nghị, Bên mời chào giá phải mời Nhà cung cấp đến làm việc để

giải đáp hoặc đàm phán các nội dung kiến nghị. Nếu hai bên làm việc không đạt kết quả, Bên Nhà cung cấp báo cáo để TKV xem xét giải quyết.

Chương II. YÊU CẦU CỦA NỘI DUNG SỬA CHỮA

Mục 1. Giới thiệu về Nội dung sửa chữa.

Bên mời cung cấp dịch vụ giới thiệu các thông tin cơ bản như:

1.1. Thông tin về tài sản:

Tên tài sản: Hệ thống điện tại các phòng phân phối điện 6kV (trạm 4800KVA, Bơm CN, Bơm cai bằng) và các MBA khu vực nhà máy tuyền.

1.2. Tình trạng kỹ thuật của thiết bị:

Hiện nay, một số thiết bị điện tại các phòng phân phối điện (trạm 4800KVA, Bơm CN, Bơm cai bằng) và các MBA thuộc phạm vi quản lý của Phân xưởng mở tuyền qua thời gian vận hành từ năm 2011 đến nay các thiết bị điện đang bị xuống cấp, thường xuyên bị lỗi, hư hỏng có nguy cơ sự cố gây ảnh hưởng tới sản xuất, cụ thể như sau:

- Một số thiết bị điện như DCL, rơ le bảo vệ, máy cắt qua quá trình vận hành lâu ngày bị kẹt cơ khí, lỗi mạch điều khiển, hỏng rơ le dẫn tới quá trình thao tác vận hành thiết bị không đảm bảo kỹ thuật.

- Các máy biến áp qua quá trình vận hành lâu ngày các gioăng ty sứ, gioăng thân máy đã bị lão hóa dẫn tới rò rỉ dầu trong quá trình vận hành.

- Máy biến áp sau quá trình vận hành lâu ngày chưa được kiểm tra, bảo dưỡng sửa chữa nhằm đảm bảo kỹ thuật vận hành cung cấp điện.

Do đặc thù của dây chuyền sản xuất, hàng năm các thiết bị điện trong dây chuyền sản xuất nhà máy tuyền chỉ dừng 01 đến 02 lần để sửa chữa bảo dưỡng. Vì vậy, công tác kiểm tra, sửa chữa, bảo dưỡng là rất cần thiết nhằm đảm bảo hệ thống, thiết bị điện duy trì vận hành ổn định đáp ứng sản xuất.

1.3. Quy trình kỹ thuật sửa chữa, cấp sửa chữa, nội dung cần sửa chữa ngoài quy trình và yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị sau khi sửa chữa theo phương án số 137/PA-LDA ngày 12/01/2024.

Mục 2. Yêu cầu về tiến độ.

- Thời gian thực hiện hợp đồng dự kiến: Đợt 01 thực hiện trong khoảng thời gian từ tháng 3 đến tháng 5 năm 2024 (theo kế hoạch dừng nhà máy tuyền); Đợt 02 trong khoảng thời gian từ tháng 9 đến tháng 11 năm 2024 (thực hiện khối lượng đợt 2 và khối lượng còn lại của đợt 1 nếu chưa thực hiện xong do yêu cầu sản xuất chưa/không cách ly, cắt điện được thiết bị). Thời gian cụ thể, Bên mời

nhà cung cấp sẽ thông báo cho Nhà cung cấp trước 10 ngày và Nhà cung cấp phải tập kết đầy đủ thiết bị, vật tư, nhân công tại công trường trước thời điểm thi công thi công tối đa 3 ngày;

Tiến độ thi công 30 ngày/đợt. Tiến độ thi công đã bao gồm thời gian cung cấp vật tư trong nước/nhập khẩu và thời gian bao gồm các ngày nghỉ, ngày lễ trừ trường hợp bất khả kháng.

Mục 3. Yêu cầu về kỹ thuật.

1. Quy định phương thức nghiệm thu vật tư, phụ tùng trước khi đưa vào sửa chữa:

Yêu cầu nghiệm thu vật tư, thiết bị đầu vào trước khi lắp đặt. Đối với các vật tư, thiết bị nhập khẩu phải có chứng nhận (CO, CQ đối với vật tư nhập khẩu, chứng nhận xuất xưởng đối với vật tư trong nước) để Bên mời cung cấp kiểm tra, đánh giá chất lượng và nghiệm thu trước khi đưa vào sử dụng.

Các loại vật tư/phụ tùng thay thế, Nhà cung cấp dịch vụ phải cung cấp các giấy tờ liên quan đến hàng hóa cho Bên mời thầu (Giấy chứng nhận nguồn gốc xuất xứ (CO), Giấy chứng nhận chất lượng (CQ), giấy cam kết chất lượng và xuất xứ hàng hóa đối với vật tư trong nước. Nếu nhà cung cấp là đơn vị trực tiếp nhập khẩu nguyên lô, theo hợp đồng thì phải giao bản gốc CO/CQ. Trường hợp nhà cung cấp nhập khẩu lô lớn để phân phối/bán lẻ, hoặc không phải là đơn vị nhập khẩu trực tiếp thì bên Nhà cung cấp phải cấp bản sao CO/CQ (nếu Nhà cung cấp nộp bản sao thì phải được sao y có chứng thực của cơ quan công chứng) và chịu trách nhiệm trước Pháp Luật về tính trung thực CO/CQ. Để Bên mời thầu tiến hành kiểm tra, đánh giá chất lượng và nghiệm thu trước khi đưa vào sử dụng. Ngoài ra với các vật tư có CO/CQ là ngôn ngữ tiếng nước ngoài cần phải dịch thuật thành sang tiếng Việt bởi đơn vị có thẩm quyền.

2. Quy định chế độ nghiệm thu các cụm, hệ thống; nghiệm thu chạy thử thiết bị không tải, có tải và nghiệm thu bàn giao thiết bị sau khi hoàn thành đảm bảo các thông số kỹ thuật như sau:

2.1. Tiêu chuẩn đánh giá nghiệm thu

❖ Đối với dao cách ly:

- Lắp đặt chắc chắn, đảm bảo kỹ thuật.
- Đo điện trở cách điện: Điện trở cách điện giữa phần dẫn điện sơ cấp với đất, giữa các cực cần được đo bằng megômet 1000V để kiểm tra giá trị điện trở cách điện không thấp hơn 1000MΩ.
- Đo điện trở tiếp xúc: Điện trở tiếp xúc của các tiếp điểm mạch sơ cấp cần được đo và kiểm tra có đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật của nhà chế tạo.
- Kiểm tra thao tác đóng cắt: Phải kiểm tra chắc chắn rằng không có sự bất thường nào trong dao cách ly bằng cách đóng cắt ba lần bằng tay thao tác hoặc nút bấm tại chỗ.

- Kiểm tra khóa liên động: Các thời điểm tác động của các tiếp điểm phụ phải được đo và kiểm tra để đáp ứng các tiêu chuẩn của thiết kế. Trong trường hợp thiết kế không quy định tiêu chuẩn thì kiểm tra theo tiêu chuẩn của nhà chế tạo.

❖ Đối với các máy biến áp:

- Lắp đặt chắc chắn, đảm bảo kỹ thuật.
- Các vị trí roăng sứ, mặt thân máy biến áp không có hiện tượng rò rỉ dầu.
- Đo điện trở cách điện các cuộn dây :

Bảng giá trị điện trở cách điện, MΩ

Cấp điện áp cuộn cao áp	Nhiệt độ cuộn dây, oC						
	10	20	30	40	50	60	70
Từ 35 kV trở xuống có công suất dưới 10.000 kVA	450	300	200	130	90	60	40

+ Đo điện trở cách điện các cuộn dây R60.

+ Điện trở cách điện của các mạch điều khiển: Điện trở cách điện của các mạch điều khiển với đất phải được đo bằng megôm met có điện áp 500 V. Quy chuẩn của các điện trở cách điện phải lớn hơn 2 MΩ.

- Đo tỷ số biến đổi điện áp: Phải kiểm tra tỷ số biến đổi ở từng đầu phân áp của các máy biến áp. Sự chênh lệch giữa kết quả đo và của nhà sản xuất phải nhỏ hơn 0,5%.

- Đo điện trở một chiều cuộn dây: Điện trở cuộn dây của các máy biến áp phải được đo bằng dòng điện một chiều. Sự chênh lệch giữa kết quả đo và các thông số của nhà chế tạo phải nhỏ hơn 2%.

- Đo dòng không tải và tổn thất có tải: Dòng không tải và tổn thất có tải phải được kiểm tra để đảm bảo như các thông số của nhà chế tạo.

❖ Đối với các máy biến dòng:

- Đo điện trở cách điện.
- Đo điện trở một chiều cuộn dây.
- Đo tỷ số biến dòng điện và xác định sai số tỷ số biến.
- Kiểm tra cực tính.
- Kiểm tra đặc tính từ hóa V-A.
- Thử nghiệm độ bền cách điện.

❖ Đối với các máy biến điện áp:

- Đo điện trở cách điện.
- Đo điện trở một chiều.
- Đo tỷ số biến và xác định sai số tỷ số biến.
- Kiểm tra cực tính.
- Thử nghiệm độ bền cách điện.
- Kiểm tra dầu cách điện.

❖ Đối với rơ le bảo vệ:

- Lắp đặt chắc chắn vào mắt tủ điện.
- Đo điện trở cách điện.
- Thử nghiệm đặc tính tác động và độ chính xác của rơ le.
- Đo lường, thử nghiệm từng chức năng, cài đặt thông số.

❖ Đối với hộp bộ đo lường đa chức năng:

- Lắp đặt chắc chắn vào mắt tủ điện.
- kiểm tra bên ngoài, làm vệ sinh, kiểm tra cân bằng kim đồng hồ.
- Đo điện trở cách điện.

❖ Đối với mạch điện điều khiển, mạch tín hiệu:

- Đo điện trở cách điện theo thiết kế, chế tạo của nhà sản xuất.
- Kiểm tra hệ thống mạch theo thiết kế, chế tạo của nhà sản xuất.
- Thiết bị sau khi sửa chữa xong thao tác, vận hành, tác động liên động bảo vệ đúng chức năng theo bản vẽ thiết kế.

2.2. Trình tự các bước nghiệm thu:

- Thành phần nghiệm thu: tuân thủ theo quy định hiện hành.
- Tiêu chuẩn nghiệm thu:
 - + Thiết bị sau khi sửa chữa, bảo dưỡng xong phải đáp ứng được các yêu cầu kỹ thuật tại mục 2.1.
 - + Công tác vệ sinh công nghiệp phải sạch sẽ, đảm bảo mỹ quan tại các vị trí, khu vực sửa chữa.

- Các nội dung trong quá trình nghiệm thu được áp dụng theo các quy định của Nhà nước và Công ty ban hành.

- Khối lượng công việc thực hiện được nghiệm thu theo thực tế thi công và phải đảm bảo yêu cầu kỹ thuật lắp đặt để làm cơ sở thanh quyết toán.

- Nhà cung cấp dịch vụ phải tuân thủ theo yêu cầu kỹ thuật thể hiện trên Quy trình kỹ thuật. Ngoài ra nhà cung cấp dịch vụ còn phải thực hiện các công việc cần thiết trong quá trình sửa chữa theo quy định bao gồm tổ chức thi công, giám sát, nghiệm thu, thử nghiệm, an toàn lao động, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ, huy động thiết bị, kiểm tra, giám sát chất lượng.

- 3. Quy định thời hạn bảo hành và cách thức thực hiện chế độ bảo hành khi xảy ra sai sót sau khi thiết bị sửa chữa xong đưa vào hoạt động:

- Bảo hành thiết bị 12 tháng.

- Trong thời gian bảo hành khi hệ thống, thiết bị có hư hỏng hoặc lỗi thì Bên nhà cung cấp trong vòng 02 ngày (kể từ khi có thông báo của LDA) phải bố trí nhân lực kiểm tra, sửa chữa ngay cho LDA (yêu cầu việc khắc phục phải được thực hiện xong trong vòng 01 ngày) để đảm bảo đáp ứng sản xuất của công ty. Thời hạn bảo hành phải được gia hạn cho đến khi khắc phục xong các sai sót do lỗi của Bên nhà cung cấp.

Trường hợp Bên B không khắc phục sai sót trong khoảng thời gian được Bên A quy định, Bên A có thể thuê tổ chức khác khắc phục sai sót, xác định chi phí khắc phục sai sót và Bên B sẽ phải hoàn trả khoản chi phí này đồng thời tước thu toàn bộ

giá trị bảo hành giữ lại. Ngoài ra, việc chậm trễ trong công tác bảo hành của Bên B gây ra thiệt hại cho Bên A thì Bên B phải hoàn toàn chịu trách nhiệm bồi thường 100% giá trị thiệt hại đó.

Mục 4. Bảng tiên lượng khối lượng.

Căn cứ bảng tiên lượng khối lượng nhà cung cấp tham gia chào giá theo nội dung sửa chữa bảng tiên lượng sau:

BẢNG TIÊN LƯỢNG SỬA CHỮA, BẢO DƯỠNG HỆ THỐNG ĐIỆN TẠI CÁC PHÒNG PHÂN PHỐI 6Kv (TRẠM 4800KVA, BƠM CN, BƠM CAI BẮNG) VÀ CÁC MBA KHU VỰC NHÀ MÁY TUYẾN

TT	Cụm/hệ thống/chi tiết	Đvt	Số chế tạo/Quy cách	Yêu cầu cần lưu ý khác	Số lượng sửa chữa		Ghi chú
					Thay mới	Phục hồi/SC-BD	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
I	Sửa chữa, bảo dưỡng trạm biến áp phân phối tổng (Trạm Biến áp 4800kVA)						
1	Dao cách ly 3 pha ngoài trời. Loại dao cách ly 3 pha 24kV-630A	1 bộ (3 pha)			5		Cung cấp và Thay thế
2	Máy biến điện áp	Máy				6	Sửa chữa, bảo dưỡng thay thế vật tư
3	Máy biến dòng	Máy				6	Sửa chữa, bảo dưỡng
4	Máy cắt cấp nguồn đầu vào MBA	Máy				2	Sửa chữa bảo dưỡng
5	máy biến áp 3 pha, công suất 4800KVA	Máy				2	Sửa chữa bảo dưỡng và cung cấp VT
II	Sửa chữa, bảo dưỡng các trạm biến áp phân phối điện cho các phụ tải						
1	Máy biến áp 3 pha, công suất 1600KVA	Máy				1,0	Sửa chữa bảo dưỡng và cung cấp VT
2	Máy biến áp 3 pha, công suất 250KVA	Máy				1,0	Sửa chữa bảo dưỡng và cung cấp VT
3	Máy biến áp 3 pha, công suất 180KVA	Máy				3,0	Sửa chữa bảo dưỡng và

TT	Cụm/hệ thống/chi tiết	Đvt	Số chế tạo/Quy cách	Yêu cầu cần lưu ý khác	Số lượng sửa chữa		Ghi chú
					Thay mới	Phục hồi/SC-BD	
							cung cấp VT
4	Máy biến áp 3 pha, công suất 160KVA	Máy				1,0	Sửa chữa bảo dưỡng và cung cấp VT
5	Máy biến áp 3 pha, công suất 75KVA	Máy				2,0	Sửa chữa bảo dưỡng và cung cấp VT
6	Máy biến áp 3 pha, công suất 50KVA	Máy				2,0	Sửa chữa bảo dưỡng và cung cấp VT
7	Máy biến áp 3 pha, công suất 30KVA	Máy				1,0	Sửa chữa bảo dưỡng và cung cấp VT
8	Máy biến áp 3 pha, công suất 560KVA	Máy				2,0	Sửa chữa bảo dưỡng và cung cấp VT
9	Máy biến áp 3 pha, công suất 750KVA	Máy				1,0	Sửa chữa bảo dưỡng và cung cấp VT
10	Máy biến áp 3 pha, công suất 400KVA	Máy				1,0	Sửa chữa bảo dưỡng và cung cấp VT
III	SC, bảo dưỡng các thiết bị tủ điều khiển, máy cắt các phòng phân phối điện 6kV						
1	Máy cắt Tủ số 16 - TMS-1 FE-630-16 trạm trung gian	Máy				1,0	Sửa chữa cơ cấu liên động cơ khí
2	Máy cắt Tủ đầu vào số 2 - TMS-IN-630-15 trạm bơm công nghệ	Máy				1,0	Sửa chữa cơ cấu liên động cơ khí
3	Rơ le kỹ thuật số (Tủ số 6 - TMS-1_FE_630-6 (01 cái); Tủ số 13 - TMS-1_FE_630-13 (01 cái); Tủ số 5 - TMS-1 FE-630-5 (01 cái)	Bộ				3,0	Cung cấp và thay thế
4	Đèn báo trạng thái pha (Tủ đầu vào số 1 TMS-IN_630-1)	Cái				3,0	Cung cấp và thay thế
5	Màn hình hiển thị thông	Cái				2,0	Cung cấp và

TT	Cụm/hệ thống/chi tiết	Đvt	Số chế tạo/Quy cách	Yêu cầu cần lưu ý khác	Số lượng sửa chữa		Ghi chú
					Thay mới	Phục hồi/SC-BD	
	số dòng điện, điện áp (Tủ đầu vào số 2 TMS-IN-630-7: 01 cái, Tủ Dự phòng- TMS – 1- FE - 200-6: 01 cái))						thay thế
6	Mạch điều khiển (tủ đầu vào số 1 trạm 4800kVA)	Hệ thống				1,0	Sửa chữa
7	Mạch tín hiệu (tủ đầu vào số 1 trạm 4800kVA)	Hệ thống				1,0	Sửa chữa
8	Mạch bảo vệ (tủ đầu vào số 1 trạm 4800kVA)	Hệ thống				1,0	Sửa chữa
9	Mạch điều khiển (Tủ số 5 - TMS-1_FE-630-5 TR-01 - TR 01 trạm 4800kVA)	Hệ thống				1,0	Sửa chữa
10	Mạch tín hiệu (Tủ số 5 - TMS-1_FE-630-5 TR-01 - TR 01 trạm 4800kVA)	Hệ thống				1,0	Sửa chữa
11	Mạch bảo vệ (Tủ số 5 - TMS-1_FE-630-5 TR-01 - TR 01 trạm 4800kVA)	Hệ thống				1,0	Sửa chữa
12	Mạch điều khiển (Tủ số 6 - TMS-1_FE_630-6 Dự phòng trạm 4800kVA)	Hệ thống				1,0	Sửa chữa
13	Mạch tín hiệu (Tủ số 6 - TMS-1_FE_630-6 Dự phòng trạm 4800kVA)	Hệ thống				1,0	Sửa chữa
14	Mạch bảo vệ (Tủ số 6 - TMS-1_FE_630-6 Dự phòng trạm 4800kVA)	Hệ thống				1,0	Sửa chữa
15	Mạch điều khiển (Tủ số 13 - TMS-1_FE_630-13 Trạm PP2 trạm 4800kVA)	Hệ thống				1,0	Sửa chữa
16	Mạch tín hiệu (Tủ số 13 - TMS-1_FE_630-13 Trạm PP2 trạm 4800kVA)	Hệ thống				1,0	Sửa chữa
17	Mạch bảo vệ (Tủ số 13 - TMS-1_FE_630-13 Trạm PP2 trạm 4800kVA)	Hệ thống				1,0	Sửa chữa
18	Mạch điều khiển (Tủ số 18 - TMS-1_IN_1250-18 Tủ đầu vào số 2 trạm	Hệ thống				1,0	Sửa chữa

TT	Cụm/hệ thống/chi tiết	Đvt	Số chế tạo/Quy cách	Yêu cầu cần lưu ý khác	Số lượng sửa chữa		Ghi chú
					Thay mới	Phục hồi/SC-BD	
	4800kVA)						
19	Mạch tín hiệu (Tủ số 18 - TMS-1_IN_1250-18 Tủ đầu vào số 2 trạm 4800kVA)	Hệ thống				1,0	Sửa chữa
20	Mạch bảo vệ (Tủ số 18 - TMS-1_IN_1250-18 Tủ đầu vào số 2 trạm 4800kVA)	Hệ thống				1,0	Sửa chữa
21	Mạch điều khiển (Tủ bơm bùn bê cô đặc bơm số 1 (TR.01.PU.101) trạm bơm công nghệ)	Hệ thống				1,0	Sửa chữa
22	Mạch tín hiệu (Tủ bơm bùn bê cô đặc bơm số 1 (TR.01.PU.101) trạm bơm công nghệ)	Hệ thống				1,0	Sửa chữa
23	Mạch bảo vệ (Tủ bơm bùn bê cô đặc bơm số 1 (TR.01.PU.101) trạm bơm công nghệ)	Hệ thống				1,0	Sửa chữa
24	Mạch điều khiển (Tủ bơm bùn bê cô đặc bơm số 1 (Tủ dự phòng – TMS – 1- FE-200-6 trạm bơm hồ cai bảng)	Hệ thống				1,0	Sửa chữa
25	Mạch tín hiệu (Tủ bơm bùn bê cô đặc bơm số 1 (Tủ dự phòng – TMS – 1- FE-200-6 trạm bơm hồ cai bảng)	Hệ thống				1,0	Sửa chữa
26	Mạch bảo vệ (Tủ bơm bùn bê cô đặc bơm số 1 (Tủ dự phòng – TMS – 1- FE-200-6 trạm bơm hồ cai bảng)	Hệ thống				1,0	Sửa chữa
27	Mạch điều khiển (Tủ bơm bùn bê cô đặc bơm số 1 (Tủ đầu vào số 2 TMS-IN-630-7 trạm bơm hồ cai bảng)	Hệ thống				1,0	Sửa chữa
28	Mạch tín hiệu (Tủ bơm bùn bê cô đặc bơm số 1 (Tủ đầu vào số 2 TMS-IN-630-7 trạm bơm hồ cai bảng)	Hệ thống				1,0	Sửa chữa

TT	Cụm/hệ thống/chi tiết	Đvt	Số chế tạo/Quy cách	Yêu cầu cần lưu ý khác	Số lượng sửa chữa		Ghi chú
					Thay mới	Phục hồi/SC-BD	
29	Mạch bảo vệ (Tủ bơm bunn bê cô đặc bơm số 1 (Tủ đầu vào số 2 TMS-IN-630-7 trạm bơm hồ cai bảng)	Hệ thống				1,0	Sửa chữa
IV	Các Vật liệu chính						
1	Dao cách ly 3 pha	Bộ	24kV-630A - loại chém ngang, ngoài trời 2 ổ xoay đóng cắt bằng tay		5		
2	Dầu cách điện máy biến thế	Lít	chịu điện áp 50kV/2mm, VHP Unitran oil (Hi-Volt)		451		
3	Đèn báo nguồn	Cái	AD11-22/25/21-9, AC DC 220V		3		
4	Gioăng Cao su chịu dầu	Bộ	gồm Gioăng chân sứ hạ áp 0.4/(0.69)kV KT 65x42x8mm (04 cái), Gioăng ty sứ hạ áp 0.4/(0.69)kV KT.24/44mm (04 cái)		9		
5	Gioăng Cao su chịu dầu	Bộ	Gồm: Gioăng chân sứ cao áp 22/6,3kV KT 122x90x8mm (03 cái), Gioăng ty sứ cao áp 22/6,3kV KT.12/31mm (03 cái)		1		
6	Gioăng Cao su chịu dầu	Bộ	gồm: Gioăng chân sứ cao áp 22/6.3kV KT 104x90x8mm (03 cái), Gioăng ty sứ cao áp 22/6.3kV KT.12/31mm (03 cái)		4		
7	Gioăng Cao su chịu dầu	Bộ	Gồm: Gioăng		2		

TT	Cụm/hệ thống/chi tiết	Đvt	Số chế tạo/Quy cách	Yêu cầu cần lưu ý khác	Số lượng sửa chữa		Ghi chú
					Thay mới	Phục hồi/SC-BD	
			chân sứ cao áp 22kV KT 122x90x8mm (03 cái), Gioăng ty sứ cao áp 22kV KT.16/36mm (03 cái)				
8	Gioăng Cao su chịu dầu	Bộ	Gồm: Gioăng chân sứ cao áp 6.3kV KT 122x90x8mm (03 cái), Gioăng ty sứ cao áp 22kV KT.18/36mm (03 cái)		2		
9	Gioăng Cao su chịu dầu	Bộ	gồm: Gioăng chân sứ hạ áp 0.4/(0.69)kV KT 80x50x8mm (04 cái), Gioăng ty sứ hạ áp 0.4/(0.69)kV KT.30/44mm (04 cái)		4		
10	Gioăng Cao su chịu dầu	Bộ	Gồm: Gioăng chân sứ hạ áp 0.69kV KT 104x75x8mm (04 cái), Gioăng ty sứ hạ áp 0.69kV KT.30/44mm (04 cái)		1		
11	Gioăng Cao su chịu dầu	Bộ	Gồm: Gioăng mặt máy KT 21x10.5x3500mm (01 cái), Gioăng bình dầu phụ KT80x50x7mm (01 cái), Gioăng nắp bình dầu phụ KT 50x30x7mm (01 cái), Gioăng bình hút ẩm KT 150x120x8mm (01 cái), Gioăng		11		

TT	Cụm/hệ thống/chi tiết	Đvt	Số chế tạo/Quy cách	Yêu cầu cần lưu ý khác	Số lượng sửa chữa		Ghi chú
					Thay mới	Phục hồi/SC-BD	
			cổ bình hút âm KT 80x50x8mm (01 cái), Gioăng chuyên mạch KT52x40x7mm (01 cái), Gioăng van xả dầu KT 52x40x7mm (01 cái), Gioăng van xả đáy KT 38x28x7mm (01 cái)				
12	Gioăng Cao su chịu dầu	Bộ	Gồm: Gioăng mặt máy KT 21x10.5x3500mm (01 cái), Gioăng bình dầu phụ KT80x50x7mm (01 cái), Gioăng nắp bình dầu phụ KT 50x30x7mm (01 cái), Gioăng bình hút âm KT 150x120x8mm (01 cái), Gioăng cổ bình hút âm KT 80x50x8mm (01 cái), Gioăng chuyên mạch KT52x40x7mm (01 cái), Gioăng van xả dầu KT 52x40x7mm (01 cái), Gioăng van xả đáy KT 38x28x7mm (01 cái)		1		
13	Gioăng Cao su chịu dầu	Bộ	gồm: Gioăng mặt máy KT 21x10.5x4000mm (01 cái), Gioăng bình dầu phụ KT80x50x7mm (01 cái), Gioăng nắp bình dầu phụ		4		

TT	Cụm/hệ thống/chi tiết	Đvt	Số chế tạo/Quy cách	Yêu cầu cần lưu ý khác	Số lượng sửa chữa		Ghi chú
					Thay mới	Phục hồi/SC-BD	
			KT 50x30x7mm (01 cái), Gioăng bình hút ẩm KT 150x120x8mm (01 cái), Gioăng cổ bình hút ẩm KT 80x50x8mm (01 cái), Gioăng chuyên mạch KT52x40x7mm (01 cái), Gioăng van xả dầu KT 52x40x7mm (01 cái), Gioăng van xả đáy KT 38x28x7mm (01 cái)				
14	Gioăng Cao su chịu dầu	Bộ	Gồm: Gioăng mặt máy KT 21x10.5x5000mm (01 cái), Gioăng bình dầu phụ KT80x50x7mm (01 cái), Gioăng nắp bình dầu phụ KT 50x30x7mm (01 cái), Gioăng bình hút ẩm KT 150x120x8mm (01 cái), Gioăng cổ bình hút ẩm KT 80x50x8mm (01 cái), Gioăng chuyên mạch KT52x40x7mm (01 cái), Gioăng van xả dầu KT 52x40x7mm (01 cái), Gioăng van xả đáy KT 38x28x7mm (01 cái)		1		
15	Gioăng Cao su chịu dầu	Bộ	Gồm: Gioăng mặt máy KT 21x10.5x5500mm		2		

TT	Cụm/hệ thống/chi tiết	Đvt	Số chế tạo/Quy cách	Yêu cầu cần lưu ý khác	Số lượng sửa chữa		Ghi chú
					Thay mới	Phục hồi/SC-BD	
			(01 cái), Gioăng bình dầu phụ KT80x50x7mm (01 cái), Gioăng nắp bình dầu phụ KT 50x30x7mm (01 cái), Gioăng bình hút ẩm KT 150x120x8mm (01 cái), Gioăng chuyển mạch KT52x40x7mm (01 cái), Gioăng van xả dầu KT 52x40x7mm (01 cái), Gioăng van xả đáy KT 38x28x7mm (01 cái)				
16	Gioăng Cao su chịu dầu	Bộ	gồm: Gioăng chân sứ cao áp 22/6,3kV KT 104x90x8mm (03 cái), Gioăng ty sứ cao áp 22/6,3kV KT.12/31mm (03 cái)		10		
17	Gioăng Cao su chịu dầu	Bộ	gồm: Gioăng chân sứ hạ áp 0.4/(0.69)kV KT 65x42x8mm (04 cái), Gioăng ty sứ hạ áp 0.4/(0.69)kV KT.24/44mm (04 cái)		1		
18	Hạt hút ẩm	Kg	Silicagen 2-4mm		34		
19	Màn hình hiển thị	Cái	PM710 có đèn nền Backlit LCD, 6 dòng Truyền thông : Modbus RS485, Điện áp định mức : 10 ~ 277 VAC / 10 ~ 480 VAC Điện		2		

TT	Cụm/hệ thống/chi tiết	Đvt	Số chế tạo/Quy cách	Yêu cầu cần lưu ý khác	Số lượng sửa chữa		Ghi chú
					Thay mới	Phục hồi/SC-BD	
			áp đo lường : 115 ~ 415 VAC / 125 ~ 250 VDC Tần số hoạt động : 50/60 Hz ±10 % Dải xung tần số : 45 ~ 65Hz Dải dòng đo : 1A / 5A Công suất : max. 5VA Schneider hoặc tương đương				
20	Rơ le bảo vệ kỹ thuật số	Bộ	SP-59607-S20-8-0 điện áp 110/240VAC 50-60Hz, 24/250VDC Chức năng bảo vệ dòng, lỗi đất, trình tự âm/mất cân bằng, dòng chạm đất 50/51, 50N/51N, 50G/51G, 46, 79, Schneider hoặc tương đương		3		
V	Vật tư phụ						
	Nhà cung cấp chịu trách nhiệm cung cấp toàn bộ vật tư phụ phục vụ quá trình sửa chữa bảo dưỡng đúng PA số 137/PA-LDA ngày 12/01/2024 và Quy định hiện hành.						

Mục 5: Bồi thường thiệt hại

Trong toàn bộ quá trình sửa chữa và/hoặc đưa hệ thống thiết bị vào vận hành nếu xảy ra các sự cố không thể khôi phục, vận hành hoạt động của thiết bị, thì nhà cung cấp phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho Bên mời cung cấp bao gồm nhưng không giới hạn như sau:

a. Hệ thống điện tại nhà máy tuyển ảnh hưởng trực tiếp đến việc vận hành toàn bộ quá trình sản xuất quặng tinh của nhà máy tuyển của Bên mời nhà cung cấp. Việc chậm tiến độ sửa chữa, bảo hành, hay chất lượng không đảm bảo theo phương án sẽ gây dừng nhà máy Tuyển và không đảm bảo nguồn nguyên liệu để cấp sang nhà máy Alumin sản xuất sản phẩm và toàn bộ nhà máy Alumin phải

chạy tuần hoàn không tải. Để chạy tuần hoàn không tải nhà máy Alumin phải vận hành nhà máy nhiệt điện cung cấp hơi cho toàn hệ thống nhà máy alumin, do đó phải tiêu hao than cục và than cám, phát sinh chi phí gây thiệt hại cho Bên mời nhà cung cấp. Vì vậy, nhà cung cấp không đảm bảo tiến độ, chất lượng gói cung cấp sẽ gây thiệt hại cho Bên mời nhà cung cấp thì phải bồi thường thiệt hại. Bên nhà cung cấp phải bồi thường thiệt hại chi phí do phải dừng hoạt động sản xuất alumin của nhà máy (chạy tuần hoàn toàn nhà máy alumin). Kết cấu chi phí thiệt hại được tính toán trên cơ sở các chi phí cơ bản để phục vụ duy trì lò hơi đảm bảo cho công tác chạy tuần hoàn toàn bộ dây chuyền sản xuất alumin. Chi phí phải bồi thường cụ thể như sau:

TT	Nội dung	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (chưa bao gồm VAT)	Thành tiền	Ghi chú
1	Than cám 5a.1	tấn	13,153	3.425.900	45.060.863	Chi phí than duy trì lò hơi nhiệt điện (giá than theo quyết định 2376/QĐ-TKV ngày 29/12/2023)
2	Than cục 4a.2	tấn	0,772	6.739.300	5.202.740	
	Tổng chi phí bồi thường do chậm chạy lại nhà máy alumin	Đồng/giờ			50.263.603	

Ghi chú:

- Đơn giá than các loại nêu trên tạm tính theo giá bán của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam (TKV) bán cho Dự án Tổ hợp Bauxite nhôm Lâm Đồng tại thời điểm lập E-HSMT. Khi tính toán giá trị bồi thường thiệt hại xảy ra (nếu có) sẽ lấy theo giá bán của TKV cho Dự án Tổ hợp Bauxite nhôm Lâm Đồng tại thời điểm gây ra thiệt hại;

b. Ngoài trách nhiệm bồi hoàn theo điểm a, mục này, nhà cung cấp phải chịu trách nhiệm pháp lý và/hoặc trách nhiệm bồi thường 100% giá trị thiệt hại thực tế đối với những thiệt hại về người, thiết bị.... và các sự cố khác chưa lường trước được do lỗi của nhà cung cấp gây ra. Giá trị bồi thường thiệt hại cụ thể được hai bên thống nhất về giá trị và trách nhiệm bằng biên bản. Trường hợp hai bên không thống nhất với nhau được chi phí thiệt hại thì sẽ cùng nhau mời bên thứ 3 có chức năng và thẩm quyền thực hiện. Mọi chi phí thuê bên thứ 3 sẽ do bên nhà cung cấp chi trả.

Chương III. BIỂU MẪU

Mẫu số 01

ĐƠN CHÀO HÀNG CẠNH TRANH

Ngày: _____ *[Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng]*

Tên Nội dung sửa chữa: Sửa chữa, bảo dưỡng Hệ thống điện tại các phòng phân phối điện 6kV (trạm 4800KVA, Bơm CN, Bơm cai bảng) và các MBA khu vực nhà máy tuyền.

Kính gửi: *[Điền tên đầy đủ của Bên mời chào giá]*

Sau khi nghiên cứu bản yêu cầu báo giá mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, _____ *[Ghi tên Nhà cung cấp]*, cam kết thực hiện Nội dung sửa chữa: Sửa chữa, bảo dưỡng Hệ thống điện tại các phòng phân phối điện 6kV (trạm 4800KVA, Bơm CN, Bơm cai bảng) và các MBA khu vực nhà máy tuyền theo đúng yêu cầu của bản yêu cầu báo giá với tổng số tiền là _____ *[Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền]* cùng với biểu giá kèm theo. Thời gian thực hiện hợp đồng là _____ *[Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của Nội dung sửa chữa]*.

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một báo giá này với tư cách là Nhà cung cấp chính.
2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.
4. Không vi phạm các hành vi bị cấm trong đấu thầu khi tham dự gói thầu khi tham gia chào hàng cạnh tranh sửa chữa thiết bị.
5. Nếu báo giá của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện Nội dung Sửa chữa, bảo dưỡng Hệ thống điện tại các phòng phân phối điện 6kV (trạm 4800KVA, Bơm CN, Bơm cai bảng) và các MBA khu vực nhà máy tuyền đảm bảo chất lượng, tiến độ và tuân thủ các quy định về chế độ bảo hành cũng như các yêu cầu khác theo đúng quy định của Bản yêu cầu báo giá. Chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin nêu tại Đơn chào hàng này.

Báo giá này có hiệu lực trong thời gian ... ngày, kể từ ngày _____ *[Ghi ngày, tháng, năm có thời điểm đóng hồ sơ báo giá]*.

Đại diện Nhà cung cấp

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ CHÀO

Khi tham dự chào hàng cạnh tranh nội bộ TKV, Đơn vị cung cấp phải chịu trách nhiệm tìm hiểu, tính toán và chào đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có). Trường hợp Nhà cung cấp tuyên bố giá chào không bao gồm thuế, phí, lệ phí thì Báo giá của Nhà cung cấp sẽ bị loại.

Mẫu số 02-1

1. Tổng hợp giá chào:

TT	Yếu tố chi phí	Phương pháp tính	Giá trị (VN đồng)
1	Nguyên vật liệu.		
2	Nhiên liệu		
3	Động lực		
4	Tiền lương		
	- Lao động trực tiếp		
	- Gián tiếp, phục vụ, phụ trợ		
5	BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLD-BNN và KPCĐ		
6	Khấu hao tài sản		
7	Chi phí khác		
I	Giá trị sửa chữa (1÷7)		
II	Lợi nhuận định mức		
III	Thuế, phí, lệ phí		
	Tổng hợp giá chào (Kết chuyển sang đơn chào hàng)		

Đại diện Nhà cung cấp

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

- Các yếu tố chi phí Vật tư vật liệu, Nhân công trực tiếp được kết chuyển từ biểu tính tại Mẫu số 02-2 và Mẫu số 02-3 của Phần này.

- Các yếu tố chi phí còn lại được tính toán trên cơ sở Văn bản số: 4438/TKV-KH ngày 21/09/2017 Về việc hướng dẫn xây dựng đơn giá chế tạo, sửa chữa sản phẩm cơ khí của Tập đoàn Than – Khoáng sản Việt Nam cụ thể như sau:

+ Chi phí nhiên liệu được tính trên cơ sở định mức, hướng dẫn của Nhà nước, tập đoàn và giá cả tại thời điểm.

+ Chi phí động lực tính trên cơ sở định mức do TKV hướng dẫn và/hoặc định mức do các đơn vị xây dựng. Giá điện xác định tại thời điểm.

+ Chi phí cho bộ phận lao động gián tiếp, phục vụ, phụ trợ không quá 27% chi phí cho bộ phận lao động trực tiếp.

+ Chi phí bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm y tế (BHYT); bảo hiểm thất nghiệp (BHTN), bảo hiểm tai nạn, bệnh nghề nghiệp (BHTNLD-BNN) và kinh phí công đoàn (KPCĐ) được xác định theo các quy định của Nhà nước tại thời điểm.

+ Chi phí khấu hao tài sản tính bằng (%) tổng chi phí từ mục (1) đến mục (5), tính không quá 1%.

+ Chi phí khác tính bằng (%) x tổng chi phí từ mục (1) đến mục (6), tính không quá 3,5%.

+ Lợi nhuận định mức tính bằng (%) x tổng chi phí từ mục (1) đến mục (7), tính không quá 1%.

Mẫu Bảng tổng hợp giá chào bao gồm 4 phần (1 – Tổng hợp giá chào; 2 – Chi phí vật tư vật liệu; 3 – Chi phí nhân công trực tiếp).

2. Chi phí vật tư vật liệu

TT	Cụm/Hệ thống/ Chi tiết	Xuất xứ	Đvt	Số chế tạo/ Quy cách	Số lượng SC		Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
					Thay mới	Phục hồi		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
I	Cụm/Hệ thống 1							
1	Chi tiết 1							
2	Chi tiết 2							
3							
II	Cụm/Hệ thống 2							
1	Chi tiết 1							
2	Chi tiết 2							
3							
...	Các chi tiết và vật liệu phụ							
1	Chi tiết 1							
2	Chi tiết 2							
3							
	Tổng cộng I+II+... <i>(Kết chuyển sang phần Tổng hợp giá chào)</i>							

Đại diện Nhà cung cấp

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

- Cột (1) (2) (3) (4) (5) (6) theo số liệu tại bảng tiên lượng khối lượng của Bên mời cung cấp dịch vụ.

- Cột (7) (8) do Nhà cung cấp dịch vụ chào.

3. Chi phí nhân công trực tiếp

TT	Cụm/Hệ thống/ Chi tiết	Số công	Bậc thợ	Đơn giá tiền lương (đồng/công)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	
I	Tiếp nhận, vệ sinh, phân loại, giám định kỹ thuật					
II	Cụm/Hệ thống số 1					
1	Gia công phục hồi					
2	Lắp ráp					
3	Nghiệm thu hiệu chỉnh					
					
III	Cụm/Hệ thống số 2					
1	Gia công phục hồi					
2	Lắp ráp, hiệu chỉnh					
3	Nghiệm thu hiệu chỉnh					
					
...	Lắp ráp tổng thể, hiệu chỉnh, chạy thử					
....	Nghiệm thu, bàn giao					
	Tổng cộng I+II+III... <i>(Kết chuyển sang phần Tổng hợp giá chào)</i>					

Đại diện Nhà cung cấp

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú: Biểu này do Nhà cung cấp lập trên cơ sở các nội dung công việc được xác định tại bảng tiên lượng khối lượng sửa chữa của Bên mời cung cấp dịch vụ.

HỢP ĐỒNG SỬA CHỮA THIẾT BỊ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----***-----

HỢP ĐỒNG

Số: /2024/HĐ-LDA

Về việc Sửa**Thuộc kế hoạch:.....**

- Căn cứ Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13;
- Căn cứ Quy định sửa chữa tài sản cố định là thiết bị của Tập đoàn TKV;
- Căn cứ Kế hoạch Phối hợp kinh doanh năm 20...ban hành kèm theo Quyết định số ___ ngày ___ của Tập đoàn TKV;
- Căn cứ Quyết định số ___ ngày ___ tháng ___ năm ___ của ___ về việc phê duyệt lựa chọn nhà cung cấp dịch vụ ___ [*Ghi tên Nội dung sửa chữa*] và thông báo kết quả lựa chọn nhà cung cấp số ___ ngày ___ tháng ___ năm ___ của bên mời cung cấp dịch vụ;
- Căn cứ biên bản thương thảo hợp đồng đã được Bên mời chào giá và Nhà cung cấp được lựa chọn ký ngày ___ tháng ___ năm ___;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Bên A: Công ty TNHH MTV Nhôm Lâm Đồng - TKV

- Đại diện: Ông/Bà _____ Chức vụ:

- Địa chỉ:

- Điện thoại: _____ Fax:

- E-mail:

- Tài khoản:

- Mã số thuế:

- Đại diện là ông/bà:

- Chức vụ:

- Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ___ ngày ___ tháng ___ năm ___ (*trường hợp được ủy quyền*)**Bên B:**

- Đại diện: Ông/Bà _____ Chức vụ:

- Địa chỉ:

- Điện thoại: _____ Fax:

- Email:

- Tài khoản:

- Mã số thuế:

- Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ___ ngày ___ tháng ___ năm ___ (*trường hợp được ủy quyền*) hoặc các tài liệu có liên quan.

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Bên A giao cho Bên B thực hiện việc sửa chữa cấp thiết bị.....theo đúng các nội dung và yêu cầu kỹ thuật đã thống nhất

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng (kèm theo Phụ lục);
2. Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng (nếu có);
3. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp;
4. Báo giá và các văn bản làm rõ của nhà cung cấp được lựa chọn (nếu có);
5. Bản yêu cầu báo giá và các tài liệu sửa đổi, làm rõ (nếu có);
6. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

Điều 3. Trách nhiệm của Bên A

Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng và phương thức thanh toán nêu tại Điều 5 của hợp đồng này cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được nêu trong hợp đồng.

Điều 4. Trách nhiệm của Bên B

Bên B cam kết thực hiện đầy đủ các nội dung công việc và đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật theo cam kết nêu trong Bản yêu cầu báo giá, tuân thủ quy định hiện hành của pháp luật và của TKV trong và sau quá trình thi công, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong hợp đồng.

Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Giá hợp đồng: _____ [*Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ*].

2. Phương thức thanh toán:

a) Hình thức thanh toán: chuyển khoản; Đồng tiền thanh toán: VND

b) Thời hạn thanh toán:

Bên A sẽ thanh toán cho bên B 100% giá trị thanh quyết toán theo từng đợt, sau khi đã khấu trừ tiền tạm ứng và các khoản khấu trừ khác (nếu có) trong vòng 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày Bên A nhận được đầy đủ hồ sơ, chứng từ thanh toán hợp lệ.

c) Số lần thanh toán ___ [*Căn cứ tính chất và yêu cầu của Nội dung sửa chữa mà quy định số lần thanh toán, có thể theo giai đoạn, theo phần công việc đã hoàn thành hoặc thanh toán một lần khi hoàn thành toàn bộ hợp đồng*].

3. Tạm ứng hợp đồng: Không tạm ứng hợp đồng:

+ Bên A sẽ thanh toán cho bên B 100% giá trị hoàn thành theo hợp đồng sau khi đã khấu trừ tiền tạm ứng và các khoản khấu trừ khác (nếu có) trong vòng 90 ngày làm việc kể từ ngày bên mời thầu nhận được đầy đủ hồ sơ, chứng từ thanh toán hợp lệ.

Điều 6. Thời gian thực hiện hợp đồng

Thời gian thực hiện hợp đồng: Liên tục, tối đa 20 ngày/thiết bị, kể từ ngày bàn giao mặt bằng và thiết bị, thời gian trên bao gồm các ngày nghỉ, ngày lễ trừ trường hợp bất khả kháng.

Điều 7. Hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng

1. Việc hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp sau: *[Ghi các trường hợp mà hợp đồng có thể được điều chỉnh cho phù hợp với tính chất của Nội dung sửa chữa]*.

2. Sau khi hai bên tổ chức giám định kỹ thuật bước II, trường hợp phát sinh các hạng mục công việc ngoài phạm vi hợp đồng không do lỗi của bên B, hai bên sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết Phụ lục bổ sung hợp đồng.

Điều 8. Bảo đảm thực hiện hợp đồng (chỉ áp dụng đối với trường hợp Bên B là công ty liên kết)

1. Bên B phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu sau:

- Thời hạn nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng: Trong vòng 07 ngày làm việc (không bao gồm các ngày nghỉ lễ, ngày nghỉ cuối tuần) kể từ ngày ký hợp đồng.

- Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: Nộp tiền mặt, chuyển khoản cho bên A hoặc thư bảo lãnh do ngân hàng, tổ chức tài chính hoạt động hợp pháp tại Việt nam phát hành được bên A chấp thuận (Bảo lãnh được ngân hàng cam kết không hủy ngang và được tước thu vô điều kiện khi bên A yêu cầu).

- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng là đồng (Bằng chữ:), tương đương khoảng 3% tổng giá trị của hợp đồng.

- Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Kể từ ngày Bên B nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Bên A đến ngày 31/12/2024 hoặc ngày Bên B hoàn thành các nội dung công việc theo hợp đồng, nghiệm thu bàn giao, chuyển sang nghĩa vụ bảo hành, tùy theo điều kiện nào đến trước.

2. Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được trả cho bên A khi bên B không hoàn thành nghĩa vụ và trách nhiệm của mình theo hợp đồng làm phát sinh thiệt hại cho bên A; bên B thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

3. Bên A sẽ hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng hoặc xác nhận cho Bên B để giải tỏa bảo đảm thực hiện hợp đồng ngay sau khi hoặc không chậm hơn 30 ngày kể từ khi Bên B hoàn thành các công việc theo hợp đồng, nghiệm thu bàn giao, chuyển sang thực hiện nghĩa vụ bảo hành theo quy định.

4. Bên A sẽ tước thu toàn bộ giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng trong các trường hợp sau:

- Bên A sẽ tước thu toàn bộ giá trị bảo đảm thực hiện Hợp đồng trong các trường hợp sau:

+ Bên B từ chối thực hiện Hợp đồng khi Hợp đồng đã có hiệu lực;

+ Thực hiện Hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện Hợp đồng;

+ Vi phạm thỏa thuận trong Hợp đồng;

+ Trường hợp do lỗi của mình, không được bên A chấp thuận gia hạn, Bên B chậm tiến độ quá 15 ngày theo tiến độ quy định tại Mục 6 của Hợp đồng;

+ Bên nhà cung cấp không hoàn thành nghĩa vụ và trách nhiệm của mình theo Hợp đồng.

Điều 9. Thưởng phạt và chấm dứt hợp đồng

1. Thưởng phạt hợp đồng:

a) Bên B có trách nhiệm thực hiện và hoàn thành toàn bộ các nội dung công việc không muộn hơn tiến độ đã cam kết và ghi trong Hợp đồng. Trường hợp chậm tiến độ mà không do các nguyên nhân bất khả kháng hoặc do khách quan, Bên B sẽ bị phạt 1,0% cho 1 tuần chậm tiến độ. Tối đa mức phạt chậm tiến độ không quá 5% giá trị Hợp đồng (trước VAT).

2. Phạt bồi thường chi phí:

Trong toàn bộ quá trình sửa chữa và/hoặc đưa hệ thống thiết bị vào vận hành nếu xảy ra các sự cố không thể khôi phục, vận hành hoạt động của thiết bị, thì nhà cung cấp phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho Bên mời thầu bao gồm nhưng không giới hạn như sau:

a. Bồi thường thiệt chi phí do phải dừng hoạt động sản xuất nhôm của nhà máy (chạy tuần hoàn toàn nhà máy nhôm). Kết cấu chi phí thiệt hại được tính toán trên cơ sở các chi phí cơ bản để phục vụ duy trì lò hơi đảm bảo cho công tác chạy tuần hoàn toàn bộ dây chuyền sản xuất nhôm. Chi phí phải bồi thường cụ thể như sau:

TT	Nội dung	Đvt	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	Than cám 5a.1	tấn	13,153	3.425.900	45.060.863	Chi phí than duy trì lò hơi nhiệt điện
2	Than cục 4a.2	tấn	0,772	6.739.300	5.202.740	(giá than theo quyết định 2376/QĐ-TKV ngày 29/12/2023)
	Tổng chi phí bồi thường do chậm chạy lại nhà máy nhôm	Đồng/giờ			50.263.603	

Ghi chú:

- Đơn giá than các loại nêu trên tạm tính theo giá bán của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam (TKV) bán cho Dự án Tổ hợp Bauxite nhôm Lâm Đồng tại thời điểm lập E-HSMT. Khi tính toán giá trị bồi thường thiệt hại xảy ra (nếu có) sẽ lấy theo giá bán của TKV cho Dự án Tổ hợp Bauxite nhôm Lâm Đồng tại thời điểm gây ra thiệt hại;

b. Đối với những thiệt hại về người, thiết bị... và các sự cố khác chưa lường trước được do lỗi của nhà cung cấp gây ra, Nhà cung cấp có chịu trách nhiệm pháp lý và/hoặc trách nhiệm bồi thường 100% giá trị thiệt hại thực tế. Giá trị bồi thường thiệt hại cụ thể được hai bên thống nhất về giá trị và trách nhiệm bằng biên bản. Trường hợp hai bên không thống nhất với nhau được chi phí thiệt hại thì sẽ cùng nhau mời bên thứ 3 có chức năng và thẩm quyền thực hiện. Mọi chi phí thuê bên thứ 3 sẽ do bên nhà cung cấp chi trả.

3. Chấm dứt hợp đồng: Bên A hoặc Bên B có thể chấm dứt hợp đồng nếu một trong hai bên có vi phạm cơ bản về hợp đồng như sau:

a) Bên B không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Bên A gia hạn;

b) Bên B bị phá sản, giải thể;

c) Các hành vi khác (nếu có).

- Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm a khoản 2 Điều này, Bên A có thể ký hợp đồng với nhà cung cấp khác để thực hiện phần hợp đồng mà Bên B đã không thực hiện. Bên B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng này. Tuy nhiên, Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng mà mình đang thực hiện và chịu trách nhiệm bảo hành phần hợp đồng đó.

- Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm b khoản 2 Điều này, Bên A không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Bên A được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.

Trường hợp nhà cung cấp thực hiện gói thầu vi phạm về hợp đồng, không có đủ năng lực thực hiện hợp đồng làm ảnh hưởng tới tiến độ, chất lượng, hiệu quả của gói thầu (theo Khoản 23, điều 131, Nghị định 24/2024/NĐ-CP).

Điều 10. Tư vấn giám sát

Bên A thực hiện quyền Tư vấn giám sát đối với các công việc nêu trong hợp đồng.

Tư vấn giám sát có thể đưa ra chỉ dẫn cho nhà cung cấp về việc tổ chức thực hiện các nội dung công việc và sửa chữa sai sót vào bất kỳ lúc nào. Nhà cung cấp phải tuân theo các chỉ dẫn của tư vấn giám sát.

Điều 11. Vật tư, máy móc, thiết bị

Nhà cung cấp phải đảm bảo tất cả vật tư, máy móc, thiết bị sử dụng cho Nội dung sửa chữa đáp ứng đúng yêu cầu kỹ thuật và được kiểm định theo quy định của pháp luật. Các thiết bị phục vụ công tác sửa chữa phải đảm bảo an toàn trong vận hành. Các vật tư dùng trong sửa chữa được tuân thủ đúng cam kết tại Hồ sơ chào hàng.

Điều 12. Bảo hành, sửa chữa, khắc phục sai sót

Nhà cung cấp bảo đảm thực hiện chế độ bảo hành tài sản cố định sau sửa chữa như đã nêu trong thời hạn: 12 tháng kể từ ngày bàn giao thiết bị cho Bên mời chào giá.

Kể từ ngày hoàn thành cho đến khi kết thúc thời hạn bảo hành, Bên A sẽ thông báo cho Nhà cung cấp về các sai sót trong Nội dung sửa chữa. Thời hạn bảo hành Nội dung sửa chữa phải được gia hạn cho đến khi các sai sót được sửa chữa xong.

Mỗi lần có thông báo về sai sót trong công trình, Nhà cung cấp phải tiến hành sửa chữa sai sót đó trong khoảng thời gian quy định mà Bên A đã thông báo.

Nếu Nhà cung cấp không sửa chữa sai sót trong khoảng thời gian được Bên A quy định tại thông báo sai sót trong Nội dung sửa chữa thì Bên A được thuê tổ chức khác khắc phục sai sót, xác định chi phí khắc phục sai sót và Nhà cung cấp sẽ phải hoàn trả khoản chi phí này.

Ghi chú: Giá trị bảo hành.

- Khoản tiền bảo hành có giá trị bằng năm phần trăm (5%) phần giá trị của công việc do Bên B thực hiện được nghiệm thu.

- Tiền bảo hành (tạm giữ lại) sẽ được Bên A trừ trực tiếp trong đợt thanh toán Hợp đồng. Khoản tiền bảo hành tạm giữ lại sẽ được Bên A hoàn trả cho Bên B sau khi kết thúc thời gian bảo hành và được Bên A xác nhận đã hoàn thành công việc bảo hành.

Điều 13. Nghiệm thu, hoàn công

Sau khi thiết bị được sửa chữa, Bên B tổ chức nghiệm thu thiết bị theo đúng Quy định hiện hành về sửa chữa tài sản cố định là thiết bị của TKV.

Điều 14. Giải quyết tranh chấp

1. Bên A và Bên B có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.

2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền.

Điều 15. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ __[Ghi cụ thể ngày có hiệu lực của hợp đồng].

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập thành ____ bộ, Bên mời chào giá giữ ____ bộ, nhà cung cấp giữ ____ bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA
NHÀ CUNG CẤP**

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA
BÊN MỜI CHÀO GIÁ**

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]